

BÁO CÁO

Tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các cơ quan chức năng khắc phục khó khăn và đề ra các giải pháp thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, công tác tuyên truyền về biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh. Qua đó, công tác điều tra cơ bản đang từng bước thực hiện, công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đã được triển khai theo quy định, công tác tuyên truyền về biển, hải đảo đã được triển khai với nhiều hoạt động, hình thức tuyên truyền trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, với nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế đã gây không ít khó khăn trong công tác phân bổ nguồn kinh phí cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường (TNMT) biển, hải đảo nói riêng và quản lý biển, hải đảo nói chung, từ đó, thông tin, cơ sở dữ liệu TNMT biển, hải đảo để phục vụ cho công tác quản lý biển, hải đảo tại địa phương còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng, ban hành, thực thi, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản pháp luật liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo như sau:

- Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 ban hành Kế hoạch thực thi Luật Thủy sản năm 2017 và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy

sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022;

- Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 71/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 83/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022 - 2026.

Căn cứ các văn bản do UBND tỉnh ban hành, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển trên địa bàn tỉnh đã tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

UBND tỉnh đã thực hiện tổng kết kết quả triển khai Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 11/12/2020.

3. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển và quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Trong năm 2022, UBND tỉnh đã tham gia góp ý Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thu thập bổ sung thông tin, dữ liệu cấp xã phục vụ lập Quy hoạch; đồng thời góp ý dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (theo Phụ lục I)

Theo tình hình thực tế, nguồn ngân sách tại địa phương còn hạn chế nên hoạt động điều tra cơ bản biển và hải đảo tỉnh Bình Định trong năm 2022 chủ yếu được thực hiện thông qua nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2022”, “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022), “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc

đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (2021 - 2022) và hoạt động thăm dò nước dưới đất tại Điểm số 2, khu quy hoạch không gian phát triển du lịch cao cấp phía Bắc thuộc Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội của Công ty Cổ phần Phương Mai Bay theo Giấy phép số 35/GP-UBND ngày 04/6/2022 của UBND tỉnh.

5. Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên lĩnh vực mình quản lý và giao Sở Tài nguyên và Môi trường nhiệm vụ chủ trì, tổng hợp báo cáo các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo tại địa phương. Thông tin chi tiết về một số loại tài nguyên khai thác, sử dụng theo **Phụ lục II**.

a) Về hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản

Toàn tỉnh Bình Định hiện có 5.792 tàu đăng ký, hoạt động khai thác thủy sản (KTTS). Bên cạnh đó, diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước lợ toàn tỉnh là 2.045 ha, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm thẻ chân trắng theo hình thức thâm canh - bán thâm canh (583 ha) và tôm sú theo hình thức quảng canh cải tiến (1.462 ha).

Trong năm 2022, sản lượng KTTS biển là 264.770 tấn (trong đó sản lượng khai thác cá ngừ đại dương ước đạt 12.040 tấn) và sản lượng NTTS là 9.208 tấn.

b) Về hoạt động khai thác yến sào

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và khai thác yến sào đối với 17 hang yến thuộc bán đảo Phương Mai, thành phố Quy Nhơn.

c) Về hoạt động khai thác khoáng sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ còn mỏ titan do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép, trong đó có 1 mỏ còn hiệu lực nhưng chưa khai thác (do người dân chưa đồng thuận) và 1 mỏ đã được gia hạn giấy phép khai thác, các mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn lại đã đóng cửa mỏ hoặc đang phục hồi môi trường để đóng cửa mỏ, theo đó:

- Mỏ còn hiệu lực nhưng chưa khai thác thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Bình Định: diện tích là 180,69 ha tại xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, thời hạn đến ngày 19/4/2025;

- Mỏ đã được gia hạn giấy phép khai thác vào ngày 19/12/2022 thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định: diện tích tiếp tục khai thác là 24,68 ha tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát; thời hạn đến ngày 19/12/2024.

Ngoài ra, thực hiện chức năng quản lý TNMT tại Khu kinh tế Nhơn Hội, trong năm 2022, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thống nhất cho 07 đơn vị thực hiện khai thác, vận chuyển cát để phục vụ san lấp mặt bằng dự án.

d) Về hoạt động khai thác tài nguyên nước

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh cấp phép cho Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoàng Đạt được khai thác nước dưới đất theo Giấy phép số 27/GP-UBND ngày 18/02/2022 tại khu vực xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn.

Ngoài ra, thực hiện chức năng quản lý TNMT tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã trình UBND tỉnh cấp 02 Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 02 dự án tại Khu kinh tế Nhơn Hội.

d) Về hoạt động kinh doanh xăng dầu

Đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 328 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, trong đó có 22 thuyền, tàu được cấp phép hoạt động kinh doanh xăng dầu trên biển. Trong năm 2022, cấp mới 01 thuyền, tàu được cấp phép hoạt động kinh doanh xăng dầu vùng nước Cảng Quy Nhơn có tổng công suất 120 CV, trọng tải toàn phần khoảng 222,6 tấn.

e) Về hoạt động khai thác năng lượng điện mặt trời, điện gió

Đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 05 dự án điện mặt trời (03 dự án hoạt động trên địa bàn ven biển tại xã Mỹ Thắng, Mỹ An và Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ và Khu kinh tế Nhơn Hội) đã đi vào vận hành phát điện với tổng công suất là 415,5 MWp và 03 dự án điện gió (hoạt động trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội) đã đi vào vận hành phát điện với tổng công suất là 77,4 MW. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn 01 dự án điện mặt trời giai đoạn 2 với công suất 114 MWp và 01 dự án điện gió với công suất 30 MW đã thi công hoàn thành nhưng chưa được đưa vào vận hành phát điện. Chủ đầu tư đang thực hiện các bước tiếp theo để thỏa thuận giá phát điện với ngành điện theo quy định hiện hành. Trong năm 2022 không phát sinh dự án mới.

g) Về hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa

Về tuyến đường thủy nội địa ven biển, hải đảo gồm có:

- Bốn (04) tuyến dân sinh hoạt động thường xuyên trong năm, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, học sinh, trao đổi mua bán hàng hóa: tuyến Hải Cảng - Nhơn Châu dài 30 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Quy Nhơn); tuyến Hàm Tử - Hải Minh dài 0,8 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Quy Nhơn); tuyến Vinh Quang 2 - Cồn Chim dài 0,8 km (luồng tuyến chạy trên đầm Thị Nại); tuyến An Quang - Vĩnh Lợi dài 1,0 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Đề Gi);

- Ba (03) tuyến phục vụ khách tham quan, du lịch biển, đảo: tuyến Nhơn Lý - Hòn Sẹo, Kỳ Co dài 5,0 km; tuyến Nhơn Hải - Hòn Khô dài 0,5 km, Kỳ Co dài 10 km; tuyến Đống Đa - Cồn Chim dài 10 km, Nhơn Hải dài 15 km, Nhơn Châu dài 33 km, Nhơn Lý dài 25 km.

Công tác phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bình Định đến năm 2020 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số

2073/QĐ-UBND ngày 09/6/2017) và văn bản số 3421/UBND-KT ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu dân sinh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các tuyến đường thủy nội địa ven biển, hải đảo đang được khai thác hoạt động, tuy nhiên, về cơ sở hạ tầng bến bãi chưa được xây dựng theo quy chuẩn và được cấp phép nên chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố tuyến (chỉ có tuyến Hải Cảng - Nhơn Châu đã được UBND tỉnh công bố theo Quyết định số 3805/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 về việc điều chỉnh tên và đóng một số tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bình Định). Đối với các bến thủy nội địa phục vụ du lịch, hiện nay có một số nhà đầu tư đang triển khai một số dự án sẽ được đưa vào hoạt động trong thời gian tới như: bến du thuyền Grand Palace tại đường Võ Nguyên Giáp và bến du thuyền tại đường Đống Đa của Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát; bến du thuyền tại Mũi Tấn của Tập đoàn Hưng Thịnh...

Về phương tiện hoạt động thủy nội địa, tổng số phương tiện đang hoạt động là 328 chiếc (đã đăng ký) với tổng công suất 41.584 CV, trong đó có 276 phương tiện tàu khách (trong đó có 161 tàu cao tốc) với tổng sức chở tàu khách là 3.537 người và 52 phương tiện chở hàng với tổng trọng tải tàu hàng là 5.143,22 tấn. Nhìn chung, hầu hết phương tiện thủy nội địa đưa vào phục vụ chở người, hành khách và hàng hóa đã được đăng ký, đăng kiểm theo quy định, đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển ngay trong mùa cao điểm vận chuyển khách du lịch. Bên cạnh đó, tính đến thời điểm hiện tại, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp tổ chức cấp 310 Chứng chỉ chuyên môn lái phương tiện hạng 1 và 281 Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng 3 đáp ứng được nhu cầu cho người điều khiển phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

h) Về hoạt động hàng hải

Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn là cơ quan trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý được giao (trong đó, có khu vực cảng biển Quy Nhơn). Trong năm 2022, tại khu vực cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn quản lý, tổ chức đón nhận tổng cộng 4.564 lượt tàu thuyền ra vào cảng, trong đó có 1.180 lượt tàu nước ngoài và 3.384 lượt tàu nội địa.

k) Về hoạt động du lịch biển, đảo

Tỉnh Bình Định đã hình thành nhiều sản phẩm du lịch gắn với biển, đảo: nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái biển, thể thao trên biển (khu vực Quy Nhơn, Nhơn Lý, Nhơn Hải, Cát Tiến), lặn biển ngắm san hô (khu vực Kỳ Co, Nhơn Châu, Nhơn Hải), vui chơi giải trí ở các bãi biển gắn với mua sắm hải sản, trải nghiệm ẩm thực (khu vực bãi biển Quy Nhơn, Trung Lương, Cát Tiến).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số dự án khách sạn, khu nghỉ dưỡng du lịch quy mô đầu tư lớn đã được hoàn thành (dự án FLC Grand Hotel Quy Nhơn; Maia Quy Nhơn Beach Resort; khách sạn Fleur De Lys Quy Nhơn).

Để phát triển đa dạng sản phẩm du lịch biển, đảo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vùng biển, đảo, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng, xã Nhơn Lý và khu vực Bãi Xếp, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đến năm 2025” (Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 04/11/2019) và đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Bảo tồn và phát triển du lịch bền vững khu vực làng chài xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn (Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 29/10/2020).

Trong năm 2022, Sở Du lịch đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức công bố các sản phẩm du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng - xã Nhơn Lý và khu vực Bãi Xếp - Phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; Kế hoạch tổ chức lễ hội du lịch Biển Quy Nhơn 2022 với một chuỗi 10 hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh trong năm 2022.

Bên cạnh đó, để phát triển các loại hình du lịch có tiềm năng, UBND tỉnh khuyến khích các tổ chức đầu tư cơ sở hạ tầng gắn với phát triển du lịch và đăng cai tổ chức các sự kiện, loại hình du lịch có tiềm năng: golf, marathon, các môn thể thao trên biển... góp phần đa dạng sản phẩm du lịch và đáp ứng nhu cầu du lịch kết hợp rèn luyện sức khỏe của khách du lịch.

6. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

Về công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo, trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện công tác quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng vào năm 2016). Đến nay, hệ cơ sở dữ liệu nguồn thải tỉnh Bình Định đang vận hành và lưu trữ dữ liệu về nguồn thải đối với khoảng 370 cơ sở trên địa bàn tỉnh (trong đó có một số cơ sở hoạt động ven biển, chủ yếu tập trung lĩnh vực khách sạn, khu du lịch, NTTS). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022). Qua đó đã khảo sát thu mẫu, thống kê, phân loại, đánh giá nước thải tại 66 điểm xả thải thuộc 33 xã, phường, thị trấn nằm ở ven sông và ven biển trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thống kê quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) trên địa bàn khu kinh tế như sau: tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 2,5 tấn/ngày; tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 800 tấn/năm; tổng lượng chất thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 15.645,98 tấn/năm; tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 1.418 m³/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong Khu công nghiệp (KCN) A, B và khu vực phía Tây Nam Khu kinh tế Nhơn Hội, được thu gom, xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội trung bình khoảng 500 m³/ngày, còn lại là

nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp. Thực hiện công tác quản lý hoạt động thu gom và xử lý chất thải tàu biển tại cảng biển Quy Nhơn, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thống kê có 394,198 m³ chất thải sinh hoạt (Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định báo cáo) và 207,320 m³ nước lẫn cặn dầu (Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh báo cáo) được thu gom và xử lý.

Về tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tại địa phương, căn cứ kết quả nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2022” cho thấy: Về chất lượng môi trường nước biển ven bờ, việc quan trắc chất lượng môi trường nước biển ven bờ được tập trung tại các vùng biển có hoạt động vận tải biển, các khu NTTS và gần các khu du lịch biển để xem xét ảnh hưởng của các hoạt động đến môi trường nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của nước biển ven bờ tại các vùng biển trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển QCVN 10-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên, tại vùng biển Cảng Quy Nhơn có sự xuất hiện của hàm lượng nhỏ Coliform, một số vùng biển có sự xuất hiện của hàm lượng chất Amoni và tất cả vùng biển đều có sự xuất hiện của Florua và Sắt. Qua đó cho thấy các hoạt động vận tải biển, các khu NTTS và các khu du lịch biển ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng nước biển ven bờ. Về chất lượng môi trường trầm tích biển, việc quan trắc chất lượng môi trường trầm tích biển được quan trắc song song và cùng vị trí với quan trắc nước biển ven bờ. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của trầm tích biển tại các vùng trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích QCVN 43:2017/BTNMT. Các thông số được phân tích đều ở mức thấp và có sự đồng đều giữa các vùng biển. Qua đó cho thấy chất lượng môi trường trầm tích biển đang ở mức tốt và ổn định, chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động của con người.

Bên cạnh đó, căn cứ kết quả công tác quan trắc môi trường nước vùng NTTS hàng năm cho thấy Giá trị trung bình của các thông số: Nhiệt độ; pH; độ mặn, độ kiềm, COD, NO₃, NO₂, Vibrio tổng số phù hợp với môi trường nuôi. Riêng giá trị trung bình của NH₃, PO₄ vượt ngưỡng. Cụ thể: Nhiệt độ có giá trị trung bình là 28±4,05 °C; pH: 8,0±0,2; Độ mặn: 23±11(‰); Độ kiềm: 94±12 mg/l; COD: 6,6±0,7 mg/l; NH₃: 0,13±0,06 mg/l; NO₃: 0,36±0,18 mg/l; NO₂: 0,008±0,016 mg/l; PO₄: 1,09±1,03 mg/l; Vibrio: 935±468 Kl/ml.

Ngoài ra, căn cứ kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội cho thấy: Về chất lượng trầm tích tại Vịnh Mai Hương và Khu Cảng tổng hợp Nhơn Hội, tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm trong mẫu trầm tích tại 02 khu vực nêu trên đều thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 43:2017/BTNMT nhiều lần, có xu hướng giảm; xét trong thời gian từ năm 2021 đến nay, nồng độ các chỉ tiêu trong trầm tích tại 02 khu vực lấy mẫu không có sự thay đổi rõ rệt. Về chất lượng nước mặt đầm Thị Nại, hầu hết các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép (trong đó các chỉ tiêu Zn, Pb, Cd, Mn hầu như không phát hiện trong nước mặt tại khu vực), riêng chỉ tiêu Fe và

Coliform có một số mẫu vượt quy chuẩn cho phép trong các đợt quan trắc năm 2021, nhưng giảm và nằm trong giới hạn cho phép trong đợt quan trắc tháng 6/2022. Nhìn chung diễn biến môi trường nước mặt Đầm Thị Nại cho thấy so với các đợt quan trắc cùng kỳ không có sự thay đổi lớn. Về chất lượng nước biển ven bờ gần các dự án du lịch ven biển từ Hải Giang đến Cát Hải, các chỉ tiêu ô nhiễm tại các khu vực này đều thấp hơn giới hạn cho phép nhiều lần (trong đó, các chỉ tiêu CN-, Zn, Pb, Mn, Cd, NH₄⁺ qua các đợt quan trắc đều không phát hiện), riêng chỉ tiêu Fe trong đợt quan trắc kỳ 2/2021 vượt quy chuẩn cho phép ở hầu hết các vị trí nhưng trong đợt quan trắc tháng 1/2022 chỉ tiêu này không phát hiện. Nhìn chung chất lượng nước biển ven bờ tại các khu vực dự án trong những năm gần đây không có sự thay đổi lớn và các chỉ tiêu hầu như đều ở mức không phát hiện hoặc nhỏ hơn rất nhiều lần so với quy chuẩn cho phép.

b) Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái

Công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo được các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh triển khai Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2022. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã công bố số điện thoại, địa chỉ email và cử cán bộ trực tiếp trực đường dây nóng về môi trường để tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh của người dân, đảm bảo tiếp nhận, xử lý thông tin về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung và khu vực biển, đảo nói riêng. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh quản lý hoạt động xả thải của các cơ sở ven biển thông qua việc cấp Giấy phép xả nước thải cho Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn (hoạt động tại khu phố Thiện Chánh I, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn; theo Giấy phép số 25/GP-UBND ngày 12/02/2022), Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ (hoạt động tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; theo Giấy phép số 28/GP-UBND ngày 22/02/2022), đồng thời cấp Giấy phép môi trường cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thành Trung (nguồn nước tiếp nhận xả thải ra sông Hà Thanh, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn; theo Giấy phép số 143/GPMT-UBND ngày 10/11/2022), Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (nguồn nước tiếp nhận xả thải tại khu vực neo đậu tránh trú bão phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn; theo Giấy phép số 171/GPMT-UBND ngày 23/12/2022) và Cơ sở II Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa (nguồn nước tiếp nhận xả thải tại suối phía Nam Bệnh viện tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; theo Giấy phép số 173/GPMT-UBND ngày 28/12/2022). Ngoài ra, trong năm 2022, UBND huyện Phù Mỹ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã khẩn trương chỉ đạo

các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện công tác khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại Làng nghề chế biến cá cơm khô Mỹ An, huyện Phù Mỹ và Cảng cá Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, làm cơ sở cho việc rút tên khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường đối với 02 cơ sở. Các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra và UBND huyện Phù Cát đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hộ chế biến mực xà, đồng thời yêu cầu các hộ dân khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và xây dựng công trình xử lý nước thải theo đúng quy định để xử lý tình trạng xả nước thải, chất thải sơ chế mực xà trực tiếp ra đầm Đề Gi mà không qua hệ thống xử lý. Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã yêu cầu các chủ đầu tư dự án thứ cấp trong khu kinh tế thực hiện việc quan trắc môi trường và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các dự án đầu tư ven biển xây dựng hệ thống thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải đúng theo nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường được duyệt trước khi đi vào hoạt động; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan xem xét đánh giá, thẩm định sơ bộ về mặt tác động môi trường ngay trong quá trình lập thủ tục đầu tư, phê duyệt quy hoạch đối với các dự án thu hút đầu tư (yêu cầu phải sử dụng công nghệ sản xuất mới, thân thiện với môi trường), thẩm định, trình phê duyệt các Đồ án quy hoạch xây dựng và thẩm định, phê duyệt các Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp khuyến khích, thậm chí bắt buộc các chủ đầu tư, nhất là chủ đầu tư các dự án du lịch phải có phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành để tưới cây xanh nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường biển ven bờ.

Về công tác cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện các hoạt động như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức Lễ phát động ra quân dọn vệ sinh bãi biển tại khu vực bãi biển thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát; phối hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh tổ chức Ngày hội “Thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình và nhận quà tặng” tại Trung tâm Thương mại Quy Nhơn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn;

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với chính quyền địa phương 31 xã, phường ven đầm, ven biển triển khai Phong trào Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản (NLTS) hàng năm; củng cố và kiện toàn các mô hình Đồng quản lý theo Luật Thủy sản năm 2017, giám sát và hỗ trợ hoạt động của các Tổ chức cộng đồng bảo vệ NLTS ở địa phương 04 xã, phường ven vịnh Quy Nhơn (Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và Ghềnh Ráng), đặc biệt tại 04 khu vực biển đã được UBND thành phố Quy Nhơn công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ NLTS tại khu vực Bãi Dứa, xã Nhơn Lý, khu vực phía Tây Hòn Khô Nhỏ, xã Nhơn Hải, khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu và khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng; các tổ chức cộng đồng bảo vệ NLTS ở địa phương 4 xã, phường ven vịnh Quy Nhơn vẫn tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện tốt các hoạt động giúp phục hồi và

phát triển hệ sinh thái rạn san hô, bảo vệ môi trường và NLTS, bảo tồn rùa biển, phát triển sinh kế gắn với du lịch sinh thái bền vững; thả cá tái tạo NLTS: đã thả 10.000 con cá chẽm giống xuống đầm Thị Nại và 52.600 con cá giống các loại như rô nhím, rô đơn tính, trắm, mè xuống đầm Trà Ổ; phối hợp các địa phương 4 xã, phường Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và Ghềnh Ráng tổ chức các hoạt động như làm sạch bãi biển, làm sạch đáy biển tại khu vực bảo vệ rạn san hô và bắt sao biển gai.

- UBND thành phố Quy Nhơn tiếp tục duy trì mô hình bãi biển du lịch sạch không rác thải nhựa ở xã Nhơn Lý; mô hình phân loại rác thải tại nguồn ở xã Nhơn Châu, Nhơn Lý; mô hình tổ phụ nữ thu gom rác thải ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và phường Ghềnh Ráng; mô hình nhà hàng thân thiện không sử dụng đồ nhựa một lần ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải (thuộc Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định”). Bên cạnh đó, thực hiện Chương trình “Nhơn Hải - Biển xanh vậy gọi”, UBND thành phố đã hỗ trợ 05 thùng rác công cộng cho UBND xã Nhơn Hải, đồng thời chỉ đạo UBND xã Nhơn Hải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động trên địa bàn xã như: tổ chức làm sạch bãi biển dọc bờ kè xã; trồng cây xanh bảo vệ môi trường (60 cây tại tuyến đường số 6, khu tái định cư xã Nhơn Hải và 40 cây tại tuyến đường Nhơn Hội, Nhơn Hải);

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh hỗ trợ 12 thùng đựng rác thải sinh hoạt cho các phường, xã trên địa bàn khu kinh tế và các khu công nghiệp, góp phần trong việc thu gom rác thải của người dân tại các khu dân cư; phối hợp với Đoàn Thanh niên xã ven biển trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội thực hiện thu gom rác thải tại một số vị trí trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội. Ngoài ra, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

cũng tăng cường kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Chủ đầu tư các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ được duyệt trong quy hoạch tổng mặt bằng;

- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh hỗ trợ 60 thùng rác đặt dọc tuyến biển xã Nhơn Hải phục vụ thu gom rác thải, đồng thời góp phần cùng chính quyền địa phương về đích xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức ra quân dọn vệ sinh khu vực bãi biển, vệ sinh khu vực công cộng, đường giao thông;

Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đã tham mưu triển khai các hoạt động về phòng, chống rác thải nhựa góp phần cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái bao gồm: triển khai công tác phân loại, thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh; thực hiện và duy trì các giải pháp hạn chế rác thải nhựa, không sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần trong các hoạt động công sở; tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động nhập khẩu phế liệu nhựa theo quy định của pháp luật về bảo vệ

môi trường; tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ các làng nghề, cơ sở tái chế nhựa nhằm bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

7. Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD) cho 05 cảng, cơ sở hoạt động ven biển bao gồm: Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định; Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn (nay là Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn); Cảng Thị Nại của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại; Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Tàu bán lẻ xăng dầu trên mặt nước của Công ty Cổ phần Xăng dầu Quy Nhơn.

Về trang thiết bị UPSCTD trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu là các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn có thể được huy động và tận dụng để phục vụ công tác UPSCTD. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện có một số cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, kinh doanh xăng dầu, vận tải biển, hàng không đã đầu tư một số phương tiện, trang thiết bị UPSCTD có thể được huy động cho công tác UPSCTD tại địa phương như: Công ty Xăng dầu Bình Định; Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long; Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn; Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại, Công ty Cổ phần PETEC Bình Định; Chi nhánh công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) tại Bình Định.

Về nguồn lực UPSCTD tỉnh, căn cứ theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc UBND tỉnh và các quy định của Kế hoạch Quốc gia UPSCTD ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thực hiện sáp nhập Ban Chỉ đạo UPSCTD tỉnh vào Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh và thống nhất cơ cấu tổ chức UPSCTD trên địa bàn tỉnh theo quy định của Quyết định số 133/QĐ-TTg như sau: cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo công tác UPSCTD ở cấp tỉnh là Ban Chỉ huy PCTT – TKCN và PTDS tỉnh; cơ quan Quân sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh; cơ quan Quân sự cấp huyện, thị xã, thành phố là cơ quan thường trực UPSCTD cấp huyện, thị xã, thành phố. Ngày 12/5/2021, UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (PCTT - TKCN và PTDS) tỉnh tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND, đồng thời Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy tại Quyết định số 169/QĐ-BCH ngày 29/7/2021 và phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy tại Quyết định số 172/QĐ-BCH ngày 02/8/2021. Theo đó, Phó Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy về lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn trên đất liền, trên sông và phòng thủ dân sự trên địa bàn tỉnh, đồng thời là Cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh. Vì vậy, trong thời gian tới, nguồn lực UPSCTD tỉnh chủ yếu là lực lượng cơ quan Quân sự cấp tỉnh, huyện,

thị xã và thành phố, đồng thời, khi cần thiết, UBND tỉnh có thể huy động nguồn lực từ các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp có đầu tư trang thiết bị UPSCTD (trong đó có Công ty Xăng dầu Bình Định và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có lực lượng UPSCTD được đào tạo về nghiệp vụ) và nhờ sự hỗ trợ từ Trung tâm UPSCTD khu vực miền Trung.

Về tình hình xử lý, khắc phục môi trường do SCTD, trong năm 2022, trên khu vực biển tỉnh không xảy ra SCTD.

8. Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo; quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Về công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện cập nhật số liệu hàng tháng về sản lượng thủy sản khai thác, NTTS lên hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) tại Bình Định. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (2021 - 2022) và thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn các xã, phường, thị trấn ven đầm, ven biển thuộc thành phố Quy Nhơn, các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn.

Về công tác quan trắc môi trường biển và hải đảo, trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện các hoạt động quan trắc thuộc chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị:

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2022”. Thực hiện quan trắc môi trường nước biển ven bờ tại 18 vị trí với 02 mẫu/vị trí (tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy) thuộc vùng biển: thành phố Quy Nhơn (vùng biển Ghềnh Ráng, Bãi Xếp, Nhơn Châu, Cảng Quy Nhơn, Nhơn Lý và Nhơn Hải); huyện Phù Cát (vùng biển Cát Tiến, Cát Hải, Cát Thành và Cát Khánh); huyện Phù Mỹ (vùng biển Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ An và Mỹ Thắng) và thị xã Hoài Nhơn (vùng biển Hoài Hương, Tam Quan, Hoài Mỹ và Hoài Hải). Thực hiện quan trắc trầm tích biển tại 07 vị trí với 01 mẫu/vị trí thuộc vùng biển: thành phố Quy Nhơn (vùng biển Nhơn Châu và Nhơn Lý); huyện Phù Cát (vùng biển Cát Hải); huyện Phù Mỹ (vùng biển Mỹ Thành và Mỹ An) và thị xã Hoài Nhơn (vùng biển Tam Quan và Hoài Hải). Tiến hành quan trắc trong 02 đợt (08 ngày mùa nắng và 08 ngày mùa mưa). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lắp đặt xong Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải trên địa bàn tỉnh (vào cuối năm 2018). Trên địa bàn tỉnh, hiện có 03 cơ sở hoạt động xả thải ra môi trường ven đầm có đầu tư trạm quan trắc tự động kết nối truyền dữ liệu quan trắc nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường, bao gồm: Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Hội do Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng thuộc BQKKKT quản lý, xả thải ra đầm Thị Nại; Nhà máy xử lý nước thải 2A do Phòng Quản lý

đô thị thành phố Quy Nhơn quản lý, xả thải ra sông Hà Thanh chảy vào đầm Thị Nại; Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định quản lý, xả thải ra sông Hà Thanh chảy vào đầm Thị Nại. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ có Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài đủ điều kiện kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Đối với trạm quan trắc của Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Hội và Nhà máy xử lý nước thải 2A chưa đảm bảo theo quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT, hiện tại đang cải tạo hệ thống để đảm bảo kết nối theo quy định. Năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 2865/STNMT-CCBVMT ngày 09/11/2021 về việc hướng dẫn lắp đặt trạm quan trắc tự động và kết nối dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT để đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở đầu tư trạm quan trắc tự động và kết nối với Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải trên địa bàn tỉnh;

- Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện công tác quan trắc môi trường nước vùng NTTS hàng năm. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ thực hiện quan trắc ở vùng bờ biển, vùng đầm nước lợ tại các huyện, thành phố, thị xã ven biển với 09 điểm quan trắc, cụ thể: thành phố Quy Nhơn (Khe Cùi, xã Nhơn Hội); huyện Tuy Phước (cổng Nhân Ân, xã Phước Thuận; cổng Tân Đề, xã Phước Hòa); huyện Phù Cát (cửa đầm Đề Gi, xã Cát Khánh); huyện Phù Mỹ (Trung Xuân, xã Mỹ Chánh; Bờ biển xã Mỹ An; Vĩnh lợi, xã Mỹ Thành); thị xã Hoài Nhơn (cầu Hoài Hải, xã Hoài Mỹ; Trường Xuân, phường Tam Quan Bắc). Đối với vùng nuôi tôm hùm nước mặn thực hiện quan trắc 01 điểm tại vùng biển xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn. Thời gian thực hiện quan trắc môi trường nước bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 10 hàng năm với 20 đợt quan trắc. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ quan trắc theo con nước thủy triều với tần suất 02 lần/tháng vào thời điểm gần đỉnh triều. Riêng vùng biển xã Nhơn Hải thì tần suất quan trắc là 01 lần/tháng. Mẫu nước xác định độ mặn, pH, COD, độ kiềm, NO₂, NO₃, NH₃, PO₄, vibrio tổng số và định lượng tảo;

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện quan trắc đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tần suất 02 lần/năm. Đối với chất lượng trầm tích trong nước biển, nước mặt khu vực đầm Thị Nại thực hiện quan trắc tại 02 vị trí: Vịnh Mai Hương và Cảng tổng hợp Nhơn Hội. Đối với môi trường nước mặt đầm Thị Nại thực hiện quan trắc tại 05 vị trí: trước UBND xã Nhơn Hội cũ; Đầm Thị Nại gần trạm xử lý nước thải tập trung Khu kinh tế Nhơn Hội; đầm Thị Nại ngay cổng thủy lợi gần khu tái định cư Nhơn Phước; gần dự án nhà máy thép Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định; tại cổng xả số 01 nằm cuối đường ĐSA13 và ĐSA7 khu tái định cư Nhơn Phước. Đối với chất lượng nước biển ven bờ gần các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải thực hiện quan trắc tại 08 vị trí: gần suối Cả Nhơn Lý; gần Khu du lịch Trung Lương; gần Khu du lịch Vĩnh Hội; gần dự án Khu du lịch Hải Giang Merry Land; gần Khu du lịch Dviews Resort; gần dự án Khu du lịch

Kỳ Co - Nhơn Lý; gần dự án Khu du lịch Resort cao cấp phía Bắc (điểm số 2, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến); gần dự án khu giáo dục kỹ năng sống Outward Bound Việt Nam tại Bình Định;

- Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh đang triển khai dự án “Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh” (2021 - 2023), trong đó có Trạm quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tự động, liên tục tại thành phố Quy Nhơn (vị trí tại Trạm hải văn môi trường Quy Nhơn). Bên cạnh đó có nội dung cải tạo trung tâm điều hành (vị trí lắp đặt trang thiết bị trung tâm điều hành và quản lý cơ sở dữ liệu tại Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường).

9. Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh có triển khai dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (UBND thành phố Quy Nhơn là chủ dự án) và dự án “Thí điểm các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải ngành thủy sản nhằm thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn tại thành phố Quy Nhơn” do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tài trợ (UBND thành phố Quy Nhơn là chủ dự án).

10. Công tác tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong tỉnh triển khai công tác tuyên truyền về biển và hải đảo với đa dạng các hình thức và nội dung.

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo với các nội dung như sau: dựng pano tuyên truyền bảo vệ TNMT biển, hải đảo tại các trường tiểu học huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn; in và treo băng rôn, phướn tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6) năm 2022 trên địa bàn huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn; tổ chức cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật “Lãng kính xanh”; tổ chức Lễ phát động và ra quân dọn vệ sinh bãi biển thị trấn Cát Tiến nhằm tuyên truyền giảm thiểu rác thải nhựa đại dương nói riêng, bảo vệ môi trường biển, hải đảo nói chung.

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền về quản lý hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ NLTS ven biển với các hoạt động như sau: cung cấp các tin, bài tuyên truyền về nội dung chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU), Luật Thủy sản năm 2017 với số lượng 02 bài/tháng gửi các địa phương ven biển, ven đầm phát trên đài truyền thanh huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường ven biển cho ngư dân biết và thực hiện. Trong năm 2022 có 30 tin bài đăng trên trang

website, bản tin của Tạp chí Thủy sản Việt Nam; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Định, cổng thông tin điện tử thành phố Quy Nhơn, Báo Bình Định, Bản tin Nông lâm thủy sản của Sở Nông nghiệp và PTNT, Báo Tài nguyên và Môi trường và 35 bài viết trên Fanpage Vĩnh Quy Nhơn: San hô và Du lịch cộng đồng.

Thông qua các hội nghị giao ban báo chí hằng tháng, quý, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Hội Nhà báo tỉnh định hướng cho các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Bên cạnh đó, Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành nhiều văn bản gửi các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố nhằm định hướng các hoạt động thông tin, tuyên truyền các hoạt động phối hợp trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, bao gồm cả hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân; tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã thực hiện ký kết chương trình phối hợp trong công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại ở khu vực biên giới biển, đảo tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030 nhằm tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; bảo vệ lợi ích, môi trường và tài nguyên quốc gia, ngăn chặn mọi hành động xâm phạm và làm thay đổi đường biên giới quốc gia; tuyên truyền, vận động nhân dân vùng biên giới, biển đảo; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc... Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã đăng tải các văn bản phổ biến giáo dục pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo lên Trang zalo OA “Chính quyền điện tử tỉnh” và Fanpage “Tin tức Bình Định” do Sở quản lý. Trong năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho cơ quan thường trú khu vực miền Trung - Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV miền Trung) và Trung tâm Truyền hình Việt Nam khu vực miền Trung – Tây Nguyên (VTV8) thực hiện công tác thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Bình Định các sự kiện quan trọng bao gồm thông tin, tuyên truyền những vấn đề về bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến với đông đảo người dân trong nước và quốc tế.

Sở Du lịch đã tham mưu tổ chức tuyên truyền, thông tin đến các doanh nghiệp du lịch về tác hại của rác thải nhựa, túi ni lông sử dụng một lần đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người; tuyên truyền người lao động và khách du lịch về công tác bảo vệ môi trường biển theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; đề nghị các doanh nghiệp bố trí lao động phục vụ công tác đảm bảo môi trường, bản hướng dẫn, nội quy... về việc bảo vệ môi trường tại đơn vị.

Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại Khu kinh tế Nhơn Hội, nhằm kịp thời trang bị, nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi

trường cho các doanh nghiệp thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tổ chức Hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý môi trường và lồng ghép thông tin về môi trường biển, đảo nhằm nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ TNMT của các doanh nghiệp; tổ chức in 600 tờ áp phích gửi trực tiếp đến các doanh nghiệp để tuyên truyền các sự kiện môi trường lớn trong năm như: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương Thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn; đăng các bài viết, hình ảnh liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên biển, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch biển gắn với phát triển kinh tế - xã hội trong bản tin Khu kinh tế xuất bản định kỳ hàng quý, gửi đến các doanh nghiệp và đăng tải trên website của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (<https://kkt.binhdinhh.gov.vn>) để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai thực hiện.

11. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Về việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các địa phương ven biển thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành các lĩnh vực liên quan.

Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức 53 chuyến tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên đầm Thị Nại, khu vực biển ven bờ Quy Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn để kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khai thác thủy sản, các thủ tục pháp lý, trang bị các trang thiết bị trên tàu cá theo pháp luật quy định. Kết quả đã kiểm tra, nhắc nhở 609 lượt tàu cá đang hoạt động khai thác thủy sản, phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính 62 trường hợp, đã ra 59 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt đã nộp là 538,3 triệu đồng và 03 trường hợp đang xử lý. Thi hành 07 trường hợp áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu có thời hạn (06 trường hợp) và tịch thu giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm bị tẩy xóa, sửa chữa (01 trường hợp).

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đối với dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Chánh Oai tại xã Cát Hải, huyện Phù Cát của Công ty Cổ phần Châu Giang. Kết quả kiểm tra cho thấy Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai nên chưa triển khai dự án. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó có 04 đối tượng hoạt động ven đầm, ven biển: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức khai thác đất san lấp tại núi Một, thôn Phú Trung, xã Cát Thành và thôn Phú Đồng, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát (Kết quả: chưa lắp đặt camera, trạm cân theo quy định; chưa được cấp có thẩm quyền cho thuê đất phục vụ khai thác

khoáng sản; chưa hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, công tác báo cáo giám sát môi trường chưa thực hiện; chưa cung cấp số liệu về nghĩa vụ tài chính liên quan đến mỏ); Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương khai thác cát xây dựng tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (Kết quả: chưa lắp đặt trạm cân tại mỏ); Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành khai thác đất san lấp tại mỏ PM04, thôn Trung Xuân, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ (Kết quả: chưa lắp đặt camera, trạm cân theo quy định; chưa thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường); Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Nam Ngân khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ PC08, thôn Phú Trung, xã Cát Thành, huyện Phù Cát (Kết quả: chưa lắp đặt trạm cân, camera tại mỏ theo quy định; chưa thuê đất phục vụ khai thác khoáng sản; chưa có các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt). Căn cứ kết quả kiểm tra, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện theo quy định đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường. Trường hợp đơn vị nào không thực hiện thì lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện Phù Cát, qua công tác thanh tra, kiểm tra, các cơ quan chuyên môn đã phát hiện 02 trường hợp khai thác cát trái phép tại xã Cát Thành, Cát Chánh và một số trường hợp hoạt động sơ chế mực xà gây ô nhiễm môi trường tại xã Cát Khánh. Đối với các trường hợp vi phạm, UBND huyện đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản với tổng mức tiền phạt là 90 triệu đồng, tịch thu phương tiện xe Máy đào (máy múc); xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 30 trường hợp sơ chế mực xà với tổng mức tiền phạt 1.388,5 triệu đồng.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa ven biển, hải đảo, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp nhắc nhở, yêu cầu chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện, người đi trên phương tiện thủy nội địa thực hiện nghiêm các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông; bảo đảm các điều kiện về phương tiện, thuyền viên, người điều khiển phương tiện; trang bị và hướng dẫn hành khách sử dụng áo phao, phương tiện cứu sinh, cứu đuối, phòng chống cháy nổ trên phương tiện thủy nội địa, hoạt động đúng phạm vi theo quy định đối với từng cấp tàu... Đề nghị chính quyền địa phương cương quyết chỉ hoạt động các bến, bãi đón trả khách đường thủy nội địa, các hoạt động vui chơi dưới nước trái phép; đình chỉ hoạt động 74 phương tiện thủy nội địa không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, 47 mô tô nước và 43 nhà hàng nổi, bè nổi trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; thông báo, theo dõi và yêu cầu chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện thủy nội địa hoạt động đúng vùng được ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xử phạt vi phạm hành chính 01 trường hợp vi phạm hoạt động không đúng vùng ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường với mức phạt 6 triệu đồng, tước quyền sử dụng thời hạn 02 tháng đối với 01 Giấy

chứng nhận kỹ năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng 3.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường tại các cảng biển, luồng hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt của các doanh nghiệp, lập kế hoạch đưa vào chương trình kiểm tra định kỳ, thường xuyên trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Nhìn chung, các doanh nghiệp đều chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường do đó chưa xảy ra vụ tràn dầu nào trong khu vực.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch biển, hải đảo, Sở Du lịch đã tổ chức kiểm tra các nội dung về môi trường trong hoạt động du lịch với 122 cơ sở kinh doanh du lịch dịch vụ gồm: Khu, điểm du lịch (đã được công nhận: 02), điểm đến tập trung đông khách du lịch (Khu, điểm du lịch chưa được công nhận: 06), cơ sở lưu trú (114). Qua kiểm tra, hầu hết cơ sở kinh doanh, trong quá trình hoạt động đều chấp hành tốt việc nộp phí, rác thải bảo vệ môi trường, đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, quyết định phân công người theo dõi về công tác môi trường, các khu, điểm du lịch đã được công nhận và các cơ sở lưu trú từ 03 đến 05 sao, đều mở sổ theo dõi quản lý hóa chất, tiến hành phân loại rác thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị về môi trường xử lý theo quy định.

Về công tác thanh tra, kiểm tra trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh duy trì hoạt động Tổ công tác chống khai thác, vận chuyển cát trái phép trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội; qua đó kịp thời phát hiện 04 trường hợp khai thác, vận chuyển cát trái phép; Quyết định xử phạt vi phạm đối với 03 trường hợp (tổng cộng số tiền phạt là 5.300.000 đồng), 01 trường hợp Công an thành phố Quy Nhơn đang điều tra, làm rõ theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tổ chức khoảng 20 đợt kiểm tra tại các doanh nghiệp. Qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục các tồn tại về bảo vệ môi trường theo quy định.

12. Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ

Công tác xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030. Nhiệm vụ này sẽ thực hiện sau khi có cơ sở theo quy định là Quy hoạch

tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

13. Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển

Tỉnh Bình Định đã hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bình Định (tại Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 25/01/2019), phê duyệt Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh Bình Định (tại Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 25/11/2019) và ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bình Định (tại Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022). Hiện nay, các mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được giao cho UBND các địa phương tham mưu quản lý, đồng thời các sở, ban, ngành liên quan, UBND các địa phương cấp huyện, cấp xã ven biển thực hiện quản lý, bảo vệ theo Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bình Định.

14. Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

Công tác lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, sau khi có các quy định hướng dẫn liên quan, Sở TNMT sẽ tham mưu UBND tỉnh thực hiện trong thời gian tới.

15. Giao, sử dụng khu vực biển

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển. Tuy nhiên có 02 trường hợp đề xuất triển khai 02 dự án dự kiến có sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm: dự án điện gió ngoài khơi của Tập đoàn PNE (Cộng hòa liên bang Đức) và dự án Cảng chuyên dùng Khu liên hợp Gang thép Long Sơn tại xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn của Công ty Cổ phần Gang thép Long Sơn Phù Mỹ.

16. Quản lý hoạt động nhận chìm ở biển

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã giải quyết đề nghị xem xét vị trí đổ thải chất nạo vét từ Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp luồng Quy Nhơn cho tàu 50.000 DWT của Ban Quản lý dự án hàng hải (Bộ Giao thông vận tải). Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn triển khai phương án tổ chức thi công tập kết và bơm chất nạo vét của hạng mục nạo vét khu nước trước bến, vũng quay tàu thuộc dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn đảm bảo tận dụng chất nạo vét để san lấp mặt bằng các dự án có nhu cầu nhằm tránh lãng phí tài nguyên, đảm bảo môi trường.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và những mâu thuẫn xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện. Vì vậy, những khó khăn, vướng mắc của địa phương được thể hiện qua một số lĩnh vực sau:

- Về lĩnh vực thủy sản, công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản còn hạn chế. Công tác quan trắc môi trường nước vùng NTTS chưa đảm bảo. Hiệu quả khai thác thủy sản ngày càng giảm sút. Các mô hình Đồng quản lý chưa hoạt động hiệu quả. Công tác thanh tra chuyên ngành thủy sản chưa đảm bảo;

- Về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, công tác quản lý tài nguyên khoáng sản cấp huyện và cấp xã còn hạn chế. Việc chấp hành quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản của một số doanh nghiệp chưa tốt;

- Về lĩnh vực tài nguyên nước, công tác triển khai cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa gặp khó khăn;

- Về lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa, hiện nay, khó khăn lớn nhất là cơ sở hạ tầng bến, cảng thủy nội địa chưa được đầu tư và cấp phép theo quy định nên chưa thể công bố luồng, tuyến thủy nội địa. Vì vậy, công tác quản lý bến và tuyến gặp rất nhiều khó khăn;

- Về lĩnh vực hoạt động hàng hải, việc triển khai các dự án nạo vét luồng, nạo vét duy tu các khu nước trước bến của các doanh nghiệp hoạt động khai thác cảng trong khu vực còn khó khăn, khó thực hiện.

- Về lĩnh vực du lịch biển, đảo, tình trạng ô nhiễm môi trường tại nhiều điểm tham quan du lịch còn phổ biến. Hoạt động phòng, chống rác thải nhựa tại các cơ sở kinh doanh chưa hiệu quả. Nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường du lịch còn hạn chế;

- Về công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, việc quản lý hoạt động giao khu vực biển còn vướng mắc. Việc cấp chủ trương đầu tư và cho thuê đất đối với các doanh nghiệp trong nước tại các vị trí tương đối trọng yếu về mặt quốc phòng, ven biển phát sinh một số vấn đề nhạy cảm về yếu tố nước ngoài;

- Về công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, công tác đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực biển, đảo còn hạn chế. Công tác quản lý môi trường gặp nhiều khó khăn theo sự phát triển của các hoạt động kinh tế;

- Về công tác cấp Giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và công tác giao khu vực

biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển gặp khó khăn trong thực tế triển khai vì cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện và tồn tại nhiều vấn đề bất cập;

- Về công tác thanh tra, kiểm tra các quy định pháp luật về TNMT biển, hải đảo, việc xử phạt các hành vi vi phạm khó triển khai trong thực tế.

- Về công tác ứng phó sự cố tràn dầu, việc triển khai Quyết định số 133/QĐ-TTg và Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu gặp nhiều khó khăn vì thiếu cơ sở pháp lý và hướng dẫn để triển khai các nội dung liên quan về công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục, đồng thời tồn tại vướng mắc về lực lượng ứng phó và khắc phục sự cố.

Những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các ngành, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

- Hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên thủy sản có một số mâu thuẫn trong quá trình hoạt động như: mâu thuẫn giữa các nghề khai thác với nhau (ở đầm Thị Nại, Trà Ô), mâu thuẫn giữa các hộ NTTS và các hộ KTTS (tập trung ở các đầm và một số vùng biển ven bờ), mâu thuẫn về loại hình kinh doanh giữa những người khai thác và NTTS với những người làm nghề du lịch (ở vùng biển Nhơn Lý, Nhơn Hải thuộc thành phố Quy Nhơn);

- Mâu thuẫn giữa sinh kế của người dân ven biển và hoạt động bảo tồn các loài thủy sản; vì hiện nay mật độ dân số ven biển cao, trình độ dân trí không đồng đều, lao động qua đào tạo còn ít, tỷ lệ lao động trong độ tuổi chưa có việc làm còn khá lớn nên phần lớn nguồn thu nhập chính của người dân sống dựa vào đánh bắt thủy sản;

- Hoạt động du lịch tại các khu du lịch biển đôi khi cũng có ảnh hưởng không tốt đến hệ sinh thái biển qua việc xả nước thải, rác thải... là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm cho môi trường;

- Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặn, ngọt do hoạt động NTTS tự phát của người dân vì hầu hết các ao nuôi tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng) chưa có hệ thống xử lý nước trước khi cấp và xử lý nước thải sau nuôi tôm mà thải thẳng ra ngoài môi trường chưa qua xử lý. Khu vực ven biển chưa có hệ thống thu gom và nơi xử lý rác thải sinh hoạt nên tình trạng vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi ra đầm rất phổ biến. Tình hình sử dụng phương tiện KTTS mang tính hủy diệt như xung điện, lưới lồng, xiếc máy... làm cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật.

Những khó khăn, vướng mắc khác:

- Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước tổng hợp các vấn đề về biển, hải đảo chưa đầy đủ, cụ thể nên việc triển khai thực tế tại địa phương gặp nhiều khó khăn;

- Công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo cần thiết phải có sự phối hợp đa ngành, liên địa phương. Tuy nhiên, chưa có sự phối hợp tốt trong việc triển khai giữa các ngành, địa phương trong tỉnh. Vẫn còn tồn tại sự chùng chểnh trong công tác quản lý biển, hải đảo giữa các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan trong tỉnh, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước tổng hợp các vấn đề về biển, hải đảo;

- Nhận thức của cán bộ và cộng đồng dân cư về công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ TNMT biển, hải đảo theo hướng phát triển bền vững còn hạn chế;

- Công tác quản lý tổng hợp vùng bờ yêu cầu thực hiện nhiều hoạt động tổng hợp, cũng như công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo cần được phổ biến rộng rãi, hiệu quả đến nhiều đối tượng thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Tuy nhiên hiện nay, do nguồn ngân sách hạn chế nên tỉnh Bình Định cũng gặp khó khăn trong việc bố trí kinh phí triển khai.

b) Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Về lĩnh vực thủy sản, một bộ phận người sản xuất chưa có ý thức trong việc xả thải ra môi trường trong quá trình sản xuất. Trình độ người dân còn hạn chế, sản xuất mang tính chất manh mún nhỏ lẻ, việc ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất còn nhiều hạn chế. Cán bộ thực hiện công tác quản lý môi trường chưa được đào tạo chuyên sâu. Nguồn lợi thủy sản ngày càng giảm sút, công tác dự báo nguồn lợi, ngư trường chưa đáp ứng, do áp lực về ngư trường khai thác nên tình trạng tàu cá nằm bờ tăng cao. Lợi ích sinh kế chưa trở thành động lực phát triển Đồng quản lý, đặc biệt đối với cộng đồng ngư dân ở mô hình Đồng quản lý Nhơn Châu và Ghềnh Ráng. Thiếu nguồn tài chính, chế độ tài chính, thiếu chính sách tín dụng để cho các Tổ chức cộng đồng thành lập cũng như duy trì hoạt động đặc biệt đối với các Tổ chức cộng đồng bảo vệ NLTS ở các vùng nước nội địa như Trà Ô, Đề Gi, Thị Nại. Lực lượng Kiểm ngư - Thanh tra chuyên ngành thủy sản còn thiếu, phương tiện bảo đảm cho công tác này được bố trí nhưng chưa đáp ứng kịp thời các công tác, không có trang bị thiết bị, công cụ hỗ trợ khi thi hành công vụ, chế độ cho công chức thanh tra chuyên ngành chưa đảm bảo; không có nơi tạm giữ, bảo quản tàu thuyền vi phạm nên gây khó khăn cho công tác xử lý.

Về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, cán bộ quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường còn thiếu về số lượng và chuyên môn, nhất là ở cơ sở; công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản chưa thật chặt chẽ. Trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, hiểu biết về địa chất, khoáng sản. Ở cấp huyện người được phân công quản lý khoáng sản trên địa bàn huyện thường là người có chuyên môn khác (địa chính, môi trường, kinh tế, ...), nhất là tuyến xã chỉ có cán bộ địa chính phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường, không có chuyên môn khoáng sản. Một số địa phương thực hiện chưa tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, xử lý khai thác trái phép không kịp thời, gây bức xúc trong

đư luận. Một số doanh nghiệp còn dễ xảy ra hoạt động khai thác làm ảnh hưởng môi trường, nhất là trong việc vận chuyển khoáng sản.

Về lĩnh vực tài nguyên nước, hiện nay, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, văn bản hướng dẫn của cấp Trung ương trong việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa. Do vậy, việc xây dựng đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa gặp một số khó khăn.

Về lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa, các bến thủy nội địa phục vụ dân sinh, phục vụ khách du lịch theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bình Định đến năm 2020 chủ yếu huy động từ nguồn vốn xã hội hóa từ các nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc đầu tư bến thủy nội địa cần nguồn kinh phí lớn, hiệu quả khai thác thấp, nên hiện nay chưa có nhà đầu tư nào tham gia đầu tư xây dựng bến thủy nội địa theo đúng quy định để đưa vào hoạt động, khai thác.

Về lĩnh vực hoạt động hàng hải, việc triển khai các dự án nạo vét luồng, nạo vét duy tu các khu nước trước bến của các doanh nghiệp hoạt động khai thác cảng trong khu vực không tìm được vị trí đổ chất thải sau nạo vét, gây khó khăn cho việc triển khai dự án, ảnh hưởng tới việc duy trì độ sâu thiết kế của luồng hàng hải, bến cảng và an toàn hàng hải tại khu vực.

Về lĩnh vực du lịch biển, đảo, một số cơ sở kinh doanh du lịch chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Ý thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa trở thành thói quen, nếp sống của một bộ phận dân cư, các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: vứt rác, chất thải... ở nơi công cộng, bãi biển... vẫn còn diễn ra. Chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với bao bì, túi xách thân thiện với môi trường lưu thông trên thị trường. Một số sản phẩm nguồn gốc hữu cơ, thân thiện với môi trường có giá thành cao, vì vậy một số cơ sở kinh doanh khi chuyển đổi còn gặp khó khăn. Kinh phí hàng năm dành cho công tác bảo vệ môi trường của Sở Du lịch rất hạn chế.

Về công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 quy định việc giao các khu vực biên nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Theo đó, nội dung của Nghị định quy định cụ thể về thẩm quyền giao khu vực biên của UBND tỉnh và UBND cấp huyện, nhưng chưa nêu cụ thể thẩm quyền giao khu vực biên nằm trên địa bàn Khu kinh tế, điều này gây khó khăn, chông chéo trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn Khu kinh tế. Việc cấp chủ trương đầu tư và cho thuê đất đối với các doanh nghiệp trong nước tại các vị trí tương đối trọng yếu về mặt quốc phòng được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, tuy nhiên xảy ra tình trạng các doanh nghiệp này lại tiến hành ký kết hợp đồng với một số đối tác, nhà thầu là doanh nghiệp nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài để thực hiện hoạt động khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công. Đây chính là yếu tố bất cập và có nguy cơ gây phương hại về mặt an ninh, quốc phòng.

Về công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, hoạt động quan trắc môi trường trên đất liền và vùng biển còn hạn chế về tần suất và số chỉ tiêu nên chưa đánh giá tốt hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường. Công tác điều tra quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực biển, đảo chưa được chú trọng thực hiện đồng bộ. Hoạt động kinh tế biển, đặc biệt là hoạt động du lịch biển, đảo tăng trưởng mạnh trong thời gian gần đây và những năm tới sẽ gây áp lực lớn đến vấn đề môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong khi công tác quản lý môi trường chưa đáp ứng kịp thời.

Về công tác cấp Giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Chương VIII quy định các nội dung về cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển, danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển có đề cập đến các hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và mẫu bản đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã không còn phù hợp vì 02 văn bản quy phạm pháp luật này đã hết hiệu lực thi hành. Bên cạnh đó, Chương VIII chưa quy định nội dung lồng ghép thủ tục giao khu vực biển, gia hạn thời hạn giao khu vực biển, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển sử dụng để nhận chìm ở biển trong quá trình giải quyết thủ tục cấp, gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong trường hợp thay đổi ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Về công tác giao khu vực biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, khoản 3 Điều 3 quy định “3. *Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định, công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo*”. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có xã đảo Nhơn Châu (hay còn gọi là Cù Lao Xanh) đã và đang có các chương trình, dự án quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội triển khai trên đảo và một số đảo nhỏ có tiềm năng phát triển du lịch,... Việc không có thông tin đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý và 06 hải lý sẽ gây khó khăn cho công tác giao khu vực biển phục vụ các chương trình, dự án có sử dụng khu vực biển trên phạm vi đảo hiện nay và sau này. Theo khoản 3 Điều 4, khu vực biển được giao phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Tuy nhiên, 02 quy hoạch vẫn chưa được ban hành. Tại điểm c khoản 2 Điều 16 quy định việc thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển có nội dung “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này*” dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây khó khăn cho quá trình giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, hiện nay trên Hệ thống hỗ trợ giao khu vực biển (tại địa chỉ: <http://giaokhuvucbien.vasi.gov.vn>)

chưa cập nhật thông tin theo Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền.

Về công tác thanh tra, kiểm tra các quy định pháp luật về TNMT biển, hải đảo, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, BVMT môi trường biển và hải đảo hiện nay được quy định ở nhiều văn bản khác nhau và có sự chồng chéo, thiếu đồng bộ nên gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

Về công tác ứng phó sự cố tràn dầu, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch UPSCTD cấp cơ sở, cấp huyện. Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành: hướng dẫn xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn; hướng dẫn các địa phương xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn. Bên cạnh đó, theo quy định, cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh là cơ quan Quân sự cấp tỉnh. Tuy nhiên, theo thực tế, lực lượng cơ quan Quân sự cấp tỉnh chưa chủ động tham mưu đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn UPSCTD vì tồn tại vướng mắc về thiếu quy định của Bộ Quốc phòng nên chưa thực hiện đúng trách nhiệm thường trực UPSCTD cấp tỉnh. Điều đó dẫn đến khả năng UPSCTD cấp tỉnh vẫn phụ thuộc vào nguồn lực Trung ương (Trung tâm Ứng phó SCTD khu vực miền Trung) là chính. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định là cơ quan tham mưu công tác khắc phục SCTD, tuy nhiên trong cơ cấu tổ chức không có lực lượng thực hiện công tác khắc phục ngoài hiện trường. Điều đó dẫn đến công tác khắc phục chồng chéo về cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai hoạt động khắc phục ngoài thực địa.

Nguyên nhân của những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các ngành, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo chủ yếu là do: thiếu Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; thiếu các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với công tác quản lý tổng hợp; thiếu định mức kinh tế, kỹ thuật cho các nhiệm vụ điều tra cơ bản; các yếu tố TNMT biển, hải đảo do nhiều sở, ban, ngành và đơn vị liên quan quản lý, chưa thống nhất về một cơ quan, đơn vị quản lý; ý thức khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của một bộ phận dân cư, cộng đồng ven biển và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan còn hạn chế.

2. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xem xét các đề xuất, kiến nghị ở một số nội dung sau:

a) Về việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định lần biển, Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;

- Đối với Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Chương VIII đề nghị xem xét chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung lại các nội dung liên quan về cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan khác;

- Đối với Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, khoản 3 Điều 3 đề nghị xem xét chỉnh sửa thành “3. *Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định, công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và các đảo có tiềm năng phát triển kinh tế*”. Điều 8 đề nghị xem xét bổ sung các nội dung liên quan đến trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc giao khu vực biển thuộc địa bàn khu kinh tế. Tại điểm c khoản 2 Điều 16 đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung nội dung quy định việc thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này, trong trường hợp cần thiết thì lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường*”. Bên cạnh đó, trong nội dung Nghị định đề nghị xem xét bổ sung quy định mới về “*Nội dung kiểm tra thực địa*” đối với khu vực biển được đề nghị giao, công nhận, trả lại khu vực biển, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển. Ngoài ra, tại Điều 40 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh có biển đề nghị xem xét bổ sung 01 khoản có nội dung “*Xây dựng và ban hành quy định thành lập và quy chế hoạt động cụ thể của Hội đồng thẩm định hồ sơ đối với khu vực biển được đề nghị giao, công nhận, trả lại khu vực biển, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển*”;

- Ban hành các Thông tư hướng dẫn phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu: xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn; xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn; quy định công tác đầu tư, mua sắm phương tiện,

trang thiết bị và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ UPSCTD cho cơ quan Quân sự các cấp; đồng thời hướng dẫn các hoạt động cụ thể trong khắc phục sự cố tràn dầu trên biển để cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh triển khai trong thực tế;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam cập nhật lại thông tin bản đồ trong Hệ thống hỗ trợ giao khu vực biển (tại địa chỉ: <http://giaokhuvucbien.vasi.gov.vn>);

- Nghiên cứu tích hợp Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (theo Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ TNMT quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo) vào Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý TNMT (theo Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường) để tránh trùng lặp nội dung báo cáo và giảm thiểu số lượng báo cáo của ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo vì quy định chưa rõ ràng, cụ thể về tài liệu chứng minh, đồng thời một số tiêu chí, tiêu chí thành phần trùng lặp về nội dung và không hợp lý;

- Nghiên cứu ban hành văn bản quy phạm pháp luật phân định rõ chức năng quản lý nhà nước giữa Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ Môi trường và Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường trong việc quản lý môi trường vùng nước biển, từ đó, giúp quy định rõ nhiệm vụ giữa Phòng Biển và Hải đảo và Chi cục Bảo vệ môi trường tại địa phương. Bên cạnh đó, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định lại trách nhiệm giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ ngành tham mưu UPSCTD trong công tác khắc phục SCTD để giải quyết sự chồng chéo giữa cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai lực lượng khắc phục ngoài thực địa.

b) Về việc xây dựng các cơ chế phối hợp cụ thể để quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; Về việc thu hút các nguồn lực phục vụ cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Đây là những vấn đề cần thiết nên đề nghị các Bộ, ngành Trung ương ban hành các văn bản quy định cụ thể.

c) Các nội dung đề xuất, kiến nghị khác

- Trình Quốc hội quyết định Quy hoạch không gian biển quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, trong đó có nội dung phân vùng các khu vực biển sử dụng để nhận chìm bao gồm nhận chìm vật, chất sau nạo vét từ luồng hàng hải,

khu nước trước cầu cảng nhằm tránh ách tắc trong quá trình nạo vét, cải tạo luồng hàng hải và khu nước trước cầu cảng tại cảng biển, đảm bảo an toàn cho tàu thuyền ra vào hoạt động tại khu vực, đồng thời phân vùng sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác (du lịch, NTTS, điện gió,...) để thực hiện công tác quản lý, thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển;

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức quản lý nhà nước về lĩnh vực biển, hải đảo tại địa phương về nghiệp vụ sử dụng bản đồ địa hình đáy biển và các trang thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc giao các khu vực biển.

- Hoàn thiện và ban hành các quy định, chính sách, hướng dẫn về công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo để địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện;

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ thuật chi tiết cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo ở địa phương;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp về TNMT và hiện trạng khai thác, sử dụng khu vực biển;

- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác điều tra, khảo sát TNMT biển, kiểm soát ô nhiễm và phòng chống sự cố ô nhiễm trên biển và nhiệm vụ chuyên môn quản lý biển, hải đảo;

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học biển, các đối tượng sinh vật biển quý hiếm; nghiên cứu đánh giá cụ thể về tác động của biến đổi khí hậu đến vùng ven biển; đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành kinh tế biển, trong đó có hoạt động du lịch để hỗ trợ ngành du lịch chủ động trong công tác quản lý, phát triển du lịch;

- Hỗ trợ cho tỉnh: triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác quản lý tổng hợp vùng bờ và công tác tuyên truyền biển, hải đảo; đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển, trầm tích, sinh thái và diễn biến môi trường vùng ven biển; điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường biển tại những khu vực rủi ro ô nhiễm cao để xác định các khu vực không có khả năng tiếp nhận chất thải, những khu vực dễ bị tổn thương; tăng cường năng lực, trang thiết bị và tần suất thực hiện quan trắc môi trường để kịp thời đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường; tổ chức các hoạt động điều tra, đánh giá và có phương án bảo tồn đa dạng sinh học khu vực biển, đảo; thực hiện các dự án, chương trình phục hồi, tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa quan trọng của tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường biển, đảo trong hoạt động du lịch cho các đối tượng quản lý, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và người dân bằng các hình thức đa dạng (tập huấn, bồi dưỡng kiến thức;

các phương tiện thông tin đại chúng; pa nô; tờ rơi, tập gấp...); điều tra tài nguyên du lịch biển, hải đảo; triển khai công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch cho ngành du lịch và các địa phương ven biển, nhất là đối với các khu vực du lịch dễ bị tổn thương cao; đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ dân sinh tại địa phương;

- Tạo điều kiện cho tỉnh Bình Định tham gia các nhiệm vụ triển khai tại địa phương thuộc các dự án cấp Trung ương, cấp Bộ hoặc các dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K6, K10, K13 (12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN,
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

I ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
TT	Đối tượng điều tra	Nội dung điều tra	Địa bàn điều tra	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo (triệu đồng)	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
1	Nước biển ven bờ và trầm tích biển	- Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước biển ven bờ và trầm tích biển mùa nắng năm 2022; - Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước biển ven bờ và trầm tích biển mùa mưa năm 2022.	- Thành phố Quy Nhơn (12 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển); - Huyện Phù Cát (08 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 01 điểm quan trắc trầm tích biển); - Huyện Phù	349	Kết quả phân tích các mẫu quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2022.

			Mỹ (08 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển); - Thị xã Hoài Nhơn (08 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển).		
2	Nước thải ven biển	- Tiếp tục điều tra thu thập, cập nhật bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu chi tiết về các đối tượng, quy mô xả nước thải, phạm vi xả nước thải, các loại hình xả nước thải và các tác động xả nước thải tới nguồn nước, môi trường, đời sống kinh tế - xã hội tại địa phương; - Tiếp tục thực hiện điều tra chi tiết vào mùa khô tại từng đối tượng phát sinh và xả nước thải vào nguồn nước theo danh mục đã lập vào năm 2021.	Năm (05) huyện, thị xã và thành phố ven biển.	800	Bộ tài liệu, dữ liệu thu thập; số liệu điều tra, khảo sát bổ sung về động lực và môi trường tại khu vực vùng biển ven bờ tỉnh; các báo cáo đánh giá, xác định cấp nguồn thải, phân vùng nguồn thải gây ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh; bản đồ phân vùng

					nguồn thải ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tính tỷ lệ 1/25.000 theo hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia VN2000.
3	Các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng	- Điều tra, khảo sát thực địa và thu mẫu sinh vật ở các hệ sinh thái điển hình vào mùa khô nhằm thống kê và đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học đầm Đề Gi; phân tích hiện trạng của các hệ sinh thái hệ sinh thái, loài (đợt 2); - Xác định các loài quý hiếm (đợt 2); - Xác định các loài ngoại lai xâm hại và nơi phân bố của chúng trong vùng nghiên cứu (đợt 2). - Xây dựng cơ sở dữ liệu các hệ sinh thái và đa dạng loài.	Đầm Đề Gi	141	- Danh mục động vật, thực vật đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế, quý hiếm hoặc có nguy cơ tuyệt chủng tại đầm Đề Gi; - Cơ sở dữ liệu: Bản đồ hiện trạng các hệ sinh thái của đầm Đề Gi; dữ liệu thống kê, dữ liệu đa dạng sinh học và tư liệu ảnh các hệ sinh thái và các nhóm loài sinh vật quý hiếm, đặc hữu cần được bảo tồn; các loài có giá

					trị kinh tế và đem lại sinh kế cho cộng đồng thu thập được tại đầm Đề Gi.
4	Nước dưới đất	Thăm dò nước dưới đất tại 02 giếng phục vụ dự án Phương Mai Bay Resort. Lưu lượng: 198 m ³ /ngày đêm.	Điểm số 2, khu quy hoạch không gian phát triển du lịch cao cấp phía Bắc thuộc Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội		
II	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO				
TT	Đối tượng nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Địa bàn nghiên cứu	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo (triệu đồng)	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.					

Phụ lục II
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Loại tài nguyên khai thác, sử dụng	Địa bàn triển khai	Sản lượng khai thác, sử dụng	Chỉ tiêu hoàn thành so với kế hoạch (%)	Tổng giá trị đạt được từ khai thác, sử dụng (triệu đồng)
1	Khai thác thủy sản	Vùng biển Việt Nam	264.770 tấn		
2	Nuôi trồng thủy sản	Năm (05) huyện, thị xã, thành phố ven biển	- Sản lượng tôm nước lợ: 9.025 tấn; - Sản lượng nuôi thủy sản nước mặn: 183 tấn.		
3	Yến sào	17 hang yến thuộc bán đảo Phương Mai, thành phố Quy Nhơn	145,865 kg		
4	Cát	Khu kinh tế Nhơn Hội	1.235.170,97 m ³		
5	Nước dưới đất	Xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn. Tọa độ X,Y (hệ VN 2000, múi 3 ^o): G1: 1535285; 611440 G2: 1535253; 611494 G3: 1532843; 611439 G4: 1532845; 611500 G5: 1532789; 611452	100 m ³ /ngày đêm		
6	Đường thủy nội địa	Ven biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh	- Số lượng hành khách vận chuyển: 438.200 người; - Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 29.160 tấn.		

TT	Loại tài nguyên khai thác, sử dụng	Địa bàn triển khai	Sản lượng khai thác, sử dụng	Chỉ tiêu hoàn thành so với kế hoạch (%)	Tổng giá trị đạt được từ khai thác, sử dụng (triệu đồng)
7	Cảng biển	Khu vực cảng biển Quy Nhơn	- Tổng lượng GT là 30.477.386; - Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng là 13.850.358 tấn.		
8	Khách du lịch	Tỉnh Bình Định	Ước đạt 4,12 triệu lượt khách.		13.100.000